

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2023/DS-PT
Ngày: 12 tháng 5 năm 2023
*V/v: Tranh chấp chia tài sản chung và
chia thừa kế tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Văn Thành

Các thẩm phán: Ông Phạm Văn Toàn

Ông Nguyễn Quang Vũ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Giang - Thư ký tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ: Bà Lê Thị Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Từ ngày 09 tháng 5 năm 2023 tới ngày 12 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử công khai vụ án thụ lý số: 103/2022/TLPT-DS ngày 29 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp chia tài sản chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXPT-DS ngày 27 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Minh T**, sinh năm 1987; Địa chỉ: khu 8, xã Trung V, thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt)

Bị đơn: Ông **Nguyễn Minh P**, sinh năm 1967; Địa chỉ: khu 1A, phường Vân C, thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Cụ **Nguyễn Hữu Y**, sinh năm 1932. (Vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền của cụ Y: Ông **Nguyễn Đức B**, sinh năm 1958; Địa chỉ: khu 8, xã Trung V, thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ. (Theo văn bản ủy quyền ngày 11/4/2023). (Có mặt)

2. Ông **Nguyễn Quốc T**, sinh năm 1955. (Có mặt)

3. Bà **Trương Thị T**, sinh năm 1962. (Vắng mặt)

4. Anh **Nguyễn Quốc B**, sinh năm 1984. (Vắng mặt)

Đều trú tại: Khu 8, xã Trung V, thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ.

*Người đại diện theo ủy quyền cho ông T, bà T và anh B: Anh **Nguyễn Minh T**, sinh năm 1987; Địa chỉ: khu 8, xã Trung V, thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ. (Theo văn bản ủy quyền ngày 15/10/2021 và ngày 02/3/2022). (Có mặt)*

5. Ông **Nguyễn Đức B**, sinh năm 1958; Địa chỉ: khu 8, xã Trung V, thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt)

6. Ông **Nguyễn Quang Đ**, sinh năm 1962; Địa chỉ: khu 8, xã Trung V, thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt)

7. Ông **Nguyễn Hữu C**, sinh năm 1965; Địa chỉ: tổ 54B, khu 6A, phường Nông T, thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt)

8. Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1970; Địa chỉ: Tổ 27, khu 10 phường Thanh M, thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, anh **Nguyễn Minh T** trình bày:*

Ông nội anh tên là cụ Nguyễn Hữu Y hiện nay 90 tuổi và đang ở tại khu 8, xã Trung V, thành phố Việt T; Bà nội anh tên là cụ Trương Thị Ng, đã chết năm 2020. Ông bà nội anh sinh được 06 người con là:

1. Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1955 (bố đẻ anh T)

2. Ông Nguyễn Đức B, sinh năm 1958

3. Ông Nguyễn Quang Đ, sinh năm 1962

Đều trú tại: Khu 8, xã Trung V, thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ

4. Ông Nguyễn Hữu C, sinh năm 1965

Địa chỉ: Tổ 54B, khu 6A, phường Nông Trang, thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ

5. Ông Nguyễn Minh P, sinh năm 1967

Địa chỉ: Số nhà 02, tổ 1A, khu 1, phường Nông Trang, thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ

6. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1970

Địa chỉ: Tổ 27, khu 10 phường Thanh Miếu, thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ.

Mẹ đẻ anh tên là Trương Thị T, sinh năm 1962 hiện ở khu 8 xã Trung V, thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ. Bố mẹ anh sinh được 02 người con là anh Nguyễn Quốc B, sinh năm 1984 và anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1987.

Ngày 02/12/1999 UBND thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông nội anh là: hộ ông Nguyễn Hữu Y; trong đó gồm có 11 thửa đất gồm đất ruộng lúa, đất rau màu và đất ao. Việc nhà nước cấp đất cho gia đình ông nội anh gồm có các thành viên trong gia đình theo đăng ký nhân khẩu, chứ không phải cấp riêng cho ông bà nội anh, những người được giao

đất nông nghiệp bao gồm: ông bà nội anh, các cô chú anh gồm chú C, chú P, cô H và bố mẹ anh, hai anh em anh.

Năm 2020 bà nội anh mất, không để lại di chúc gì. Từ khi Nhà nước cấp đất nông nghiệp cho gia đình anh thì chỉ có ông bà nội anh và bố mẹ đẻ anh và anh sử dụng đất, các cô chú ruột anh đều đi công tác thoát ly hết, không ai sử dụng thửa đất nào cả.

Từ năm 2010 đến nay chỉ còn một mình anh T sản xuất nông nghiệp và trực tiếp canh tác trên thửa đất 321⁻¹ lấy thu nhập từ việc canh tác trên thửa đất này làm nguồn sống chính, nuôi ba con nhỏ và anh đã đầu tư một khoản tiền khoảng hơn 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) để canh tác thửa đất 321⁻¹ (trồng hoa, cây cảnh trên đất này). Các thửa đất nông nghiệp khác của gia đình anh đều bỏ không, chưa sử dụng đến.

Quá trình sử dụng đất đến nay, Nhà nước đã thu hồi của gia đình anh T 03 thửa đất, nay chỉ còn 08 thửa đất, gồm có:

Thửa số 321⁻¹- tờ bản đồ số 12- diện tích 192m²

Thửa số 279 - tờ bản đồ số 12- diện tích 288m²

Thửa số 316- tờ bản đồ số 12- diện tích 199m²

Thửa số 286 - tờ bản đồ số 12- diện tích 202m²

Thửa số 681- tờ bản đồ số 27- diện tích 1725m²

Thửa số 658 - tờ bản đồ số 27- diện tích 1650m²

Thửa số 649- tờ bản đồ số 27- diện tích 561m²

Thửa số 706 - tờ bản đồ số 27- diện tích 184m²

08 thửa đất trên đều ở khu 8, xã Trung V, thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ.

Trong khi anh T đang sử dụng, canh tác đối với thửa đất nông nghiệp 321⁻¹ thì ông Nguyễn Minh P là chú ruột anh không cho anh làm tất cả thửa đất 321⁻¹, ông Phương đề nghị chia nhỏ thửa 321⁻¹ ra làm 9 phần, anh chỉ được sử dụng 04 phần. Ông Phương gây cản trở việc canh tác, sản xuất của anh.

Anh đề nghị Tòa án chia đất nông nghiệp mà Nhà nước cấp cho hộ gia đình anh theo qui định pháp luật.

Đối với thửa đất 321⁻¹ tờ bản đồ số 12, tại khu 8 xã Trung V, thành phố Việt T anh đã sử dụng ổn định lâu dài, đầu tư tiền để canh tác; lấy thu nhập từ việc canh tác thửa đất này làm nguồn sống chính và nuôi ba con nhỏ. Vì vậy anh xin được sử dụng toàn bộ thửa đất này; còn các thửa đất khác thì giao cho các thành viên khác trong gia đình anh gồm các cô chú anh sử dụng theo quy định của pháp luật.

Bị đơn là ông Nguyễn Minh P trình bày:

Về mối quan hệ gia đình như anh T đã trình bày là đúng.

Mẹ đẻ ông là cụ Trương Thị Ng mất năm 2020, không để lại di chúc gì. Sau khi cụ Ng mất các thành viên trong gia đình ông chưa hề mở cuộc họp gì về việc tài sản chung là các quyền sử dụng đất.

Ông thừa nhận việc Nhà nước cấp cho gia đình ông Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm 11 thửa mang tên bố ông là cụ Nguyễn Hữu Y như anh T trình bày là đúng.

Ông Phương cũng thừa nhận hiện nay gia đình ông chỉ còn 08 thửa đất và anh Nguyễn Minh T đang khai thác, sử dụng thửa đất 321⁻¹ như anh T trình bày trên là đúng

Nay anh T khởi kiện đề nghị Tòa án chia tài sản là Quyền sử dụng đất như nêu trên thì quan điểm của ông là nhất trí chia đất, nhưng ông không nhất trí về cách chia đất của anh T, ông đề nghị chia cụ thể như sau: Chia 08 thửa đất nêu trên theo kỷ phần 4/5, có nghĩa là mỗi một thửa đất chia đều thành 09 phần bằng nhau rồi chia cho gia đình anh T được quyền sử dụng 04 phần, còn 05 phần thì chia cho ông, ông B, ông Đ, ông C và bà H sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Đức B, ông Nguyễn Quang Đ, ông Nguyễn Hữu C và bà Nguyễn Thị H đều thống nhất trình bày :

Về quan hệ gia đình: Ông B, ông Đ, ông C và bà H đều thừa nhận lời trình bày của anh T và ông P về mối quan hệ gia đình là hoàn toàn đúng sự thật.

Về nội dung vụ án: Ông B, ông Đ, ông C và bà H đều không nhất trí yêu cầu khởi kiện của anh T. Các ông bà đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận và giải quyết theo lời đề nghị của ông P như ông P đã trình bày.

Các ông bà nhất trí giao cho ông P đứng ra nhận quản lý, sử dụng phần diện tích mà các ông bà được hưởng chung.

Ông Nguyễn Hữu Y đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và xin xét xử vắng mặt.

Bản án số: 19/2022/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2022 Tòa án nhân dân thành phố Việt T đã quyết định:

1. Áp dụng dụng Điều 612, 613, 649, 650, 651 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 6; Điều 166, điều 203 luật đất đai năm 2013; điểm b, khoản 1, Điều 2 quyết định số 14/2020/QĐ- UBND ngày 03/7/2020 của UBND tỉnh Phú thọ.

2. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Minh T.

***Về đất rau màu:**

Giao cho anh Nguyễn Minh T tiếp tục sử dụng thửa đất số 321⁻¹; tờ bản đồ số 12; diện tích 192m²; mục đích sử dụng: Đất rau màu (Đ.R.M); địa chỉ thửa đất: Khu 8, xã Trung V, thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ. Anh Nguyễn Minh T phải thanh toán cho anh Nguyễn Quốc B số tiền là: 2.844.450đ (Hai triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm năm mươi đồng).

Giao cho bà Nguyễn Thị Thư được sử dụng thửa đất số 286 tờ bản đồ số 12, diện tích 202m², mục đích sử dụng: Đất rau màu (Đ.R.M); địa chỉ thửa đất: Khu 8, xã Trung V, thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ. Bà Nguyễn Thị T phải thanh toán cho anh Nguyễn Quốc B số tiền là 3.274.450đ (*Ba triệu hai trăm bảy mươi bốn nghìn bốn trăm năm mươi đồng*).

Giao cho ông Nguyễn Hữu Y được sử dụng thửa đất số 279 tờ bản đồ số 12 diện tích 288m², mục đích sử dụng: Đất rau màu (Đ.R.M); địa chỉ thửa đất: Khu 8, xã Trung V, thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ. Ông Nguyễn Hữu Y phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị H số tiền là 6.199.740đ (*Sáu triệu một trăm chín mươi chín nghìn bảy trăm bốn mươi đồng*.)

Giao cho ông Nguyễn Minh P được sử dụng thửa đất số 316 tờ bản đồ số 12 diện tích 199m², mục đích sử dụng: Đất rau màu (Đ.R.M); địa chỉ thửa đất: Khu 8, xã Trung V, thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ. Ông P phải thanh toán cho ông Nguyễn Quang Đ, Nguyễn Hữu C, Nguyễn Đức B mỗi người số tiền là 790.913đ (*Bảy trăm chín mươi nghìn chín trăm mười ba đồng*).

* Về đất lúa:

Xác nhận ông Nguyễn Hữu Y đã nhận số tiền đền bù 184.000.000đ (*Một trăm tám mươi tư triệu đồng*) tương ứng với 184m² đất lúa tại thửa số 706, tờ bản đồ số 27, địa chỉ thửa đất: Khu 8, xã Trung V, thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ.

Giao cho ông Nguyễn Quốc T được sử dụng 269m² đất lúa, bà Nguyễn Thị T được sử dụng 235m² đất lúa, anh Nguyễn Minh T được sử dụng 221m² đất lúa cùng trong thửa số 681 tờ bản đồ số 27 diện tích tổng là 725m², mục đích sử dụng: đất lúa, địa chỉ thửa đất: Khu 8, xã Trung V, thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ.

Giao cho ông Nguyễn Hữu C và ông Nguyễn Minh P mỗi người được sử dụng 325m² đất lúa trong cùng thửa đất số 658 tờ bản đồ số 27 diện tích tổng là 650m² mục đích sử dụng: đất lúa, địa chỉ thửa đất: Khu 8, xã Trung V, thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ.

Ông Nguyễn Hữu C và ông Nguyễn Minh P mỗi ông phải thanh toán cho ông Nguyễn Hữu Y số tiền là 2.154.000đ (*Hai triệu một trăm năm mươi tư nghìn đồng*) và mỗi ông phải thanh toán cho ông Nguyễn Đức B số tiền là 852.500đ (*Tám trăm năm mươi hai nghìn năm trăm đồng*).

Giao cho bà Nguyễn Thị H được sử dụng 269m², ông Nguyễn Quốc B được sử dụng 292m² trong cùng thửa đất lúa số 649 tờ bản đồ số 27 diện tích tổng là 561m² mục đích sử dụng: đất lúa. Anh Nguyễn Quốc B phải thanh toán cho ông Nguyễn Quang Đ số tiền là 1.705.000đ. (*Một triệu bảy trăm linh năm nghìn đồng*).

Kể từ khi người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì còn phải chịu lãi xuất chậm thanh toán theo quy định Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 7 Điều 27, điểm đ, khoản 1, Điều 12 của nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

- Anh Nguyễn Minh T phải chịu 973.000đồng (*Chín trăm bảy mươi ba nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận anh T đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2020/0009276 ngày 15/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Việt T, anh T còn phải nộp 673.000đ (*Sáu trăm bảy mươi ba nghìn đồng*).

- Bà Nguyễn Thị T phải chịu 1.030.000đ (*Một triệu không trăm ba mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Minh P phải chịu 1.251.700đ (*Một triệu hai trăm năm mươi một nghìn bảy trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Hữu C phải chịu 863.400đ (*Tám trăm sáu mươi ba nghìn bốn trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị H phải chịu 991.900đ (*Chín trăm chín mươi một nghìn chín trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Nguyễn Quốc B phải chịu 1.046.100đ (*Một triệu không trăm bốn mươi sáu nghìn một trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Hữu Y, ông Nguyễn Quốc T, ông Nguyễn Đức B, ông Nguyễn Quang Đ.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/10/2022 anh Nguyễn Minh P có đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án.

Ngày 07/10/2022 ông Nguyễn Hữu C, ông Nguyễn Quang Đ, ông Nguyễn Đức B, bà Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án.

Ngày 06/10/2022 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 493/QĐ-VKS-DS với nội dung: Kháng nghị toàn bộ Bản án số 19/2022/DS-ST ngày 23/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Việt T. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng: Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 19/2022/DS-ST ngày 23/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Việt T để giải quyết lại trong trường hợp các vi phạm nêu trên không thể khắc phục được tại cấp phúc thẩm; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2022/DS-ST ngày 23/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Việt T về xác định và giải quyết quan hệ tranh chấp, phạm vi phân chia tài sản, cách chia tài sản (bao gồm cả xác định được hiện trạng thửa, vị trí và các cạnh của thửa đất), về án phí... trong trường hợp các vi phạm trên có thể khắc phục tại cấp phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện VKSND tỉnh Phú Thọ giữ nguyên nội dung của Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 493/QĐ-VKS-DS ngày 06/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ.

Những người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo. Đề nghị những thửa đất đã có quyết định thu hồi và phương án đền bù thì chia bằng tiền. Những thửa đất chưa có quyết định thu hồi, chưa có phương án đền bù (kể cả thửa chưa nằm trong quy hoạch và đã nằm trong quy hoạch) chia bằng đất và đều chia thành 09 phần bằng nhau. Về giá đất tất cả đều đề nghị theo giá đền bù và hỗ trợ là 1.000.000đ/1m².

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà phát biểu về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên toà khi giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đơn kháng cáo của đương sự đúng hạn luật định. Hội đồng xét xử đã xét xử đúng nguyên tắc, các bên đương sự đều thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng nghị phúc thẩm số 493/QĐ-VKS-DS ngày 06 tháng 10 năm 2022 của VKSND thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Minh P, ông Nguyễn Quang Đ, ông Nguyễn Hữu C, ông Nguyễn Đức B, bà Nguyễn Thị H.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2022/DS-ST ngày 23/9/2022 của Toà án nhân dân thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ.

+ Giao cho anh Nguyễn Minh T quản lý, sử dụng thửa đất số 321⁻¹ tờ bản đồ số 12 diện tích 192m² tại khu 8, xã Trung V, thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ.

+ Giao cho bà Trương Thị T, anh Nguyễn Quốc B thửa đất số 279⁻¹ tờ bản đồ số 12 diện tích 288m² đất (ĐRM) tại khu 8, xã Trung V, thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ.

+ Giao cho ông Nguyễn Minh P, bà Nguyễn Thị H thửa đất số 316 tờ bản đồ số 12 diện tích 199m² đất (ĐRM) tại khu 8, xã Trung V, thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ.

Buộc anh Nguyễn Minh T phải thanh toán cho cụ Trương Thị Ng 78.833.300đ. Buộc anh Nguyễn Quốc B phải thanh toán cho cụ Ngân 30.833.300đ, buộc bà Trương Thị T phải thanh toán cho cụ Ng 3.500.100đ. Do cụ Ng đã chết nên giao số tiền anh T phải thanh toán cho cụ Ngân là 78.833.300đ, giao số tiền 30.833.300đ anh B thanh toán cho cụ Ng và số tiền 3.500.100đ bà T thanh toán cho cụ Ng cho cụ Y quản lý.

Buộc bà Trương Thị T phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Minh P mỗi người 13.666.600đ.

+ Đối với số tiền đền bù được nhận của thửa đất số 681, tờ bản đồ số 27 diện tích 725m² loại đất LUC; thửa đất số 658, tờ bản đồ số 27 diện tích 650m²

loại đất LUC đều tại khu 8, xã Trung V, thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ: Khi nhận đền bù của cơ quan có thẩm quyền cụ Nguyễn Hữu Y, cụ Trương Thị Ng, ông Nguyễn Quốc T, bà Trương Thị T, anh Nguyễn Minh T, anh Nguyễn Quốc B, ông Nguyễn Hữu C, ông Nguyễn Minh P, bà Nguyễn Thị H mỗi người được chia 152.777.800đ. Đối với phần của cụ Ngân là 152.777.800đ giao cho cụ Y quản lý.

+ Giao cho Nguyễn Hữu C, ông Nguyễn Minh P, bà Nguyễn Thị H quản lý, sử dụng 280,5m² của thửa đất số 649 tờ bản đồ số 27 diện tích 561m² đất lúa tại khu 8, xã Trung V, thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ.

Giao ông Nguyễn Quốc T, bà Trương Thị T, anh Nguyễn Minh T, anh Nguyễn Quốc B quản lý, sử dụng 280,5m² của thửa đất số 649 tờ bản đồ số 27 diện tích 561m² đất lúa tại khu 8, xã Trung V, thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ.

Buộc ông C, ông P, bà H mỗi người phải thanh toán cho cụ Y 10.388.900đ; mỗi người phải thanh toán cho cụ Ng 10.388.900đ. Buộc ông T, bà T, anh T, anh B mỗi người phải thanh toán cho cụ Y 7.791.700đ; mỗi người phải thanh toán cho cụ Ng 7.791.700đ. Giao số tiền ông C, ông P, bà H, ông T, bà T, anh T, anh B thanh toán cho cụ Ngân cho cụ Y quản lý.

+ Buộc cụ Nguyễn Hữu Y phải thanh toán số tiền đã nhận đền bù của thửa đất số 706 tờ bản đồ 27 diện tích 184m² loại đất LUC tại khu 8, xã Trung V, thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ cho ông Nguyễn Quốc T, bà Trương Thị T, anh Nguyễn Minh T, anh Nguyễn Quốc B, ông Nguyễn Hữu C, ông Nguyễn Minh P, bà Nguyễn Thị H mỗi người 20.444.400đ. Đối với phần của cụ Trương Thị Ng là 20.444.400đ giao cho cụ Y quản lý.

* Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Miễn án phí cho cụ Y, ông T, ông B do là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí.

* Chi phí tố tụng: Đối với chi phí tố tụng đã tạm ứng tại cấp sơ thẩm: Anh T tự nguyện chịu toàn bộ. Đối với chi phí tố tụng ông P đã tạm ứng tại cấp phúc thẩm: Buộc đương sự phải thanh toán cho ông P số tiền tương ứng với tài sản họ được chia.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Kháng cáo của các ông, bà gồm ông Nguyễn Minh P, ông Nguyễn Đức B, ông Nguyễn Quang Đ, ông Nguyễn Hữu C và bà Nguyễn Thị H và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ trong hạn luật định được xem xét giải quyết.

[2] Về nội dung kháng cáo của các ông bà ông Nguyễn Minh P, Nguyễn Đức B, ông Nguyễn Quang Đ, ông Nguyễn Hữu C và bà Nguyễn Thị H đều đề nghị sửa bản án dân sự sơ thẩm của tòa án nhân dân thành phố Việt T về việc chia tài sản chung là quyền sử dụng đất nông nghiệp cụ thể như sau: Các thửa đất đã

nằm trong quy hoạch của nhà nước chưa có quyết định đền bù và thửa đất không nằm trong quy hoạch của nhà nước chia bằng hiện vật còn các thửa đã có quyết định thu hồi và có phương án bồi thường thì chia bằng tiền. Tất cả đều chia thành 9 phần bằng nhau để mọi người đều được sử dụng đất và đều được chia bằng tiền.

[2.1] Xét yêu cầu kháng cáo của các đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại cấp sơ thẩm tất cả các đương sự đều thừa nhận về nguồn gốc đất: diện tích đất đang tranh chấp hiện nay là 08 thửa đất nông nghiệp:

Các thửa đã có quyết định thu hồi và có phương án bồi thường gồm:

Thửa số 286 - tờ bản đồ số 12- diện tích 202m²(Đ.M.R) đã thu hồi theo thông báo số 1400/TB-UBND ngày 14/6/2023 Của UBND thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ.

Thửa số 681- tờ bản đồ số 27- diện tích 725m²(lúa) đã thu hồi theo Quyết định số 117/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ.

Thửa số 658 - tờ bản đồ số 27- diện tích 650m²(lúa) đã thu hồi theo Quyết định số 117/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ.

Thửa số 706 - tờ bản đồ số 27- diện tích 184m² (lúa) đã thu hồi theo Quyết định số 2193/QĐ-UBND ngày 21/6/2022 của UBND thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ.

Trong đó Thửa số 706 - tờ bản đồ số 27- diện tích 184m² đã thu hồi theo Quyết định số 2193/QĐ-UBND ngày 21/6/2022 của UBND thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ. Ngày chi trả tiền đền bù: 22/8/2022, số tiền chi trả: 184.000.000đ (Một trăm tám mươi tư triệu đồng).

Các thửa chưa có quyết định thu hồi đất gồm:

Thửa số 321-1- tờ bản đồ số 12- diện tích 192m² (Đ.M.R);

Thửa số 279 - tờ bản đồ số 12- diện tích 288m²(Đ.M.R);

Thửa số 316- tờ bản đồ số 12- diện tích 199m²(Đ.M.R);

Thửa số 649- tờ bản đồ số 27- diện tích 561m² (lúa);

(Trong đó, thửa số 321-1- tờ bản đồ số 12- diện tích 192m² (ĐMR) chưa nằm trong quy hoạch, 03 thửa còn lại đã nằm trong quy hoạch)

Những thửa đất này tại khu 8, xã Trung V, thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1999 cho hộ ông Nguyễn Hữu Y; trong đó ngoài ông Y ra các thành viên cùng sử dụng đất nông nghiệp nêu trên bao gồm: Cụ Ng (đã chết), các ông T, ông C, ông Phương; bà T, bà H; và anh T, anh B.

Theo kết quả xác minh của Tòa án cấp sơ thẩm và tại Văn bản xác nhận của Hợp tác xã nông nghiệp Lâu T, xã Trung V, thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ ngày 25/4/2023 căn cứ vào sổ giao đất sản xuất nông nghiệp năm 1999, Hộ cụ Nguyễn Hữu Y ở xóm Q, khu 8, xã Trung V, thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ có

09 nhân khẩu được giao đất sản xuất nông nghiệp; 06 nhân khẩu được giao đất phần trăm (rau xanh) còn cụ thể tên từng khẩu được giao đất thì Hợp tác xã không xác định được vì không có căn cứ, hồ sơ cụ thể chính xác về việc giao đất phần trăm. Tại thời điểm năm 1999 thì ông Nguyễn Hữu C đã chuyển khẩu đi nơi khác do đó chỉ những người sau đây được giao đất màu đòi kí hiệu trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là Đ.R.M: Cụ Ng (đã chết), ông P, bà H, bà T; anh B, anh T.

- Những người được giao đất lúa gồm có: Cụ Y, cụ Ng (đã chết), ông T, bà T, anh B, anh T, ông P, ông C, bà H.

- Các đương sự kháng cáo đề nghị được chia làm 9 phần là không phù hợp bởi lẽ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Quyết định số 14/2020/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của UBND tỉnh Phú Thọ thì diện tích tách thửa tối thiểu đối với đất nông nghiệp tối thiểu là 200m², mặt khác nguyên tắc của việc sử dụng đất theo điều 6 của luật đất đai là đúng mục đích, và không làm tổn hại đến lợi ích chính đáng của người sử dụng đất xung quanh. Do vậy không thể chia đều mà phải đảm bảo diện tích từng thửa, đảm bảo ổn định sản xuất nông nghiệp, ai không được nhận đất sẽ được nhận tiền.

- Ông T, bà T, anh B ủy quyền cho anh T tham gia tố tụng đồng thời được quản lý sử dụng các thửa đất nông nghiệp được giao. Quá trình thẩm định tại chỗ cũng như kết quả xác minh tại UBND xã Trung V, thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ, thấy rằng về thực tế sử dụng đất nông nghiệp: Tất cả các đương sự cũng như chính quyền địa phương, hợp tác xã nông nghiệp đều khẳng định: Từ khi giao đất nông nghiệp cho đến nay chỉ có mình vợ chồng ông Y, ông T và bà T, anh T trực tiếp canh tác, những người được giao đất nông nghiệp khác là ông C, ông P, bà H từ khi được giao đất thì đều làm những nghề nghiệp khác và không sản xuất nông nghiệp.

- Từ năm 2010 đến nay chỉ còn mình anh T canh tác trực tiếp trên thửa đất 321-1 tờ bản đồ số 12 diện tích 192m², lấy thu nhập từ việc canh tác thửa đất này làm nguồn sống chính nuôi 3 con nhỏ. Anh T xin tiếp tục sử dụng diện tích đất trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm giao cho anh T tiếp tục sử dụng thửa đất này là phù hợp thực tế và phù hợp pháp luật. Còn các thửa đất khác sẽ chia theo qui định pháp luật.

[3] Về nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ với các vi phạm và sai sót của Tòa án cấp sơ thẩm trong quá trình giải quyết vụ án với nội dung sau:

- Vi phạm khoản 1, Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự về việc giải quyết vụ án vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Phân chia tài sản cho các nhân khẩu bằng đất (hiện vật) nhưng không tuyên vị trí, các cạnh của thửa đất trong quyết định của bản án, không có trích đo sơ đồ hiện trạng kèm theo.

- Xác định không đúng tài sản phải chia trong trường hợp tại thời điểm xét xử sơ thẩm thì thửa đất số 706, diện tích 184m² đã bị Nhà nước thu hồi đất và chi trả tiền đền bù.

- Xác định chưa đúng số tiền án phí các đương sự phải chịu.

[3.1] Về phần giải quyết di sản thừa kế của cụ Ng, thấy rằng nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ là có căn cứ và cho rằng tại Tòa án cấp sơ thẩm các con đẻ của cụ Y và cụ Ng không có đơn đề nghị giải quyết phần di sản thừa kế của cụ Ng để lại.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm phải hướng dẫn các đương sự làm đơn đề nghị và xác định nội dung này là yêu cầu độc lập của bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan để thông báo cho họ nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, những người có yêu cầu chia di sản thừa kế hầu hết là người đã được miễn nộp tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật. Mặt khác, quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, cũng như tại phiên tòa phúc thẩm các con của cụ Ng đều đề nghị xem xét, giải quyết phần di sản thừa kế của cụ Ng. Đồng thời, đề nghị giao toàn bộ phần di sản thừa kế của cụ Ng cho cụ Y sở hữu và sử dụng. Xét thấy đề nghị của các đương sự về yêu cầu này là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Do đó, nội dung kháng nghị này đã được khắc phục như phân tích trên nên không cần phải hủy bản án sơ thẩm.

[3.2] Các nội dung kháng nghị khác:

Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy rằng:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đều đề nghị chia những thửa đất chưa có quyết định thu hồi bằng quyền sử dụng đất. Đối với những thửa đất đã có quyết định thu hồi và thửa đất đã được trả đền bù chia bằng tiền. Đồng thời, về giá đất nông nghiệp, các đương sự đều thống nhất theo giá của Hội đồng đền bù giải phóng mặt bằng thực tế là 1.000.000đ (Một triệu đồng)/1m². Xét thấy, việc đề nghị thống nhất của các đương sự là phù hợp pháp luật nên được xem xét.

Đối với kháng nghị về nội dung án phí dân sự sơ thẩm các đương sự phải chịu, Bản án dân sự sơ thẩm tuyên không chính xác. Tuy nhiên, tại giai đoạn phúc thẩm việc chia tài sản chung đã thay đổi, đồng thời giá đất cũng đã thay đổi nên cần tính lại án phí dân sự sơ thẩm các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Như phân tích ở các phần [2], [3] nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Không chấp nhận kháng cáo của các đương sự gồm: ông Nguyễn Minh P, ông Nguyễn Đức B, ông Nguyễn Quang Đ, ông Nguyễn Hữu C và bà Nguyễn Thị H về việc chia tài sản chung là quyền sử dụng đất nông nghiệp cụ thể như sau: Các thửa đất đã nằm trong quy hoạch của Nhà nước chưa có quyết định đền bù và thửa đất không nằm trong quy hoạch của nhà nước chia bằng hiện vật còn các thửa đã có quyết định thu hồi và có phương án bồi thường thì chia bằng tiền. Tất cả đều chia thành 9 phần bằng nhau để mọi người đều được sử dụng đất và đều được chia bằng tiền.

[4.2] Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ về việc chia tài sản chung.

[4.3] Sửa một phần của Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2022/DS-ST ngày 23/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ về các nội dung như sau:

- Về việc chia di sản thừa kế của cụ Ng: Giao toàn bộ phần di sản của cụ Ng cho cụ Y sở hữu và sử dụng.

- Chia tài sản chung là quyền sử dụng đất cụ thể như sau:

- + Các thửa đất đã có quyết định thu hồi:

Thửa số 286 - tờ bản đồ số 12- diện tích 202m^2 (Đ.M.R);

Thửa số 681- tờ bản đồ số 27- diện tích 725m^2 (lúa);

Thửa số 658 - tờ bản đồ số 27- diện tích 650m^2 (lúa);

Thửa số 706 - tờ bản đồ số 27- diện tích 184m^2 (lúa) đã chi trả đền bù là 184.000.000đ.

Tổng diện tích là $1.761\text{ m}^2 \times 1.000.000\text{đ} = 1.761.000.000\text{đ}$.

- Giao cho anh Nguyễn Minh T được sử dụng thửa số 321⁻¹, tờ bản đồ số 12, diện tích 192m^2 (Đ.M.R) $\times 1.000.000\text{đ} = 192.000.000\text{đ}$

- Giao cho bà Nguyễn Thị T Thửa số 316, tờ bản đồ số 12, diện tích 199m^2 (Đ.M.R) $\times 1.000.000\text{đ} = 199.000.000\text{đ}$

- Giao cho ông Nguyễn Minh P thửa số 279, tờ bản đồ số 12, diện tích 288m^2 (Đ.M.R) $\times 1.000.000\text{đ} = 288.000.000\text{đ}$

- Giao cho cụ Nguyễn Hữu Y (cả phần di sản của cụ Ngân để lại) thửa số 649, tờ bản đồ số 27, diện tích 561m^2 (lúa) $\times 1.000.000 = 561.000.000\text{đ}$.

- Đất lúa: Tổng diện tích là $2.120\text{ m}^2 \times 1.000.000\text{đ} = 2.120.000.000\text{đ} : 09$ suất. Mỗi suất được hưởng trị giá là 235.555.555đ

- Đất Đ.M.R: Tổng diện tích: $881\text{m}^2 \times 1.000.000\text{đ} = 881.000.000\text{đ} : 06$ suất. Mỗi suất được hưởng trị giá là 146.833.333đ.

Cụ thể, từng suất được nhận như sau:

- Anh Nguyễn Minh T được nhận trị giá tài sản: 382.388.888đ. Anh đã nhận diện tích đất 192m^2 trị giá 192.000.000đ. Như vậy, anh còn được nhận: 190.388.888đ.

- Bà Nguyễn Thị T được nhận trị giá tài sản: 382.388.888đ. Bà đã nhận diện tích đất 199m^2 trị giá 199.000.000đ. Như vậy, bà còn được nhận: 183.388.888đ.

- Ông Nguyễn Minh P được nhận trị giá tài sản: 382.388.888đ. Ông đã nhận diện tích đất 288m^2 trị giá 288.000.000đ. Như vậy, ông còn được nhận: 94.388.888đ.

- Ông Nguyễn Quốc T được nhận trị giá tài sản: 235.555.555đ.

- Bà Nguyễn Thị H được nhận trị giá tài sản: 382.388.888đ.

- Ông Nguyễn Hữu C được nhận trị giá tài sản: 235.555.555đ.

- Anh Nguyễn Quốc B được nhận trị giá tài sản: 382.388.888đ.

- Cụ Nguyễn Hữu Y được nhận trị giá tài sản: 617.944.443đ. Cụ đã nhận diện tích 561m^2 (lúa) $\times 1.000.000 = 561.000.000\text{đ}$. Như vậy, cụ còn được nhận 56.944.443đ. Xác nhận, cụ Y đã nhận số tiền được trả đền bù 184.000.000đ. Như vậy, cụ phải thanh toán cho bà H số tiền là: 127.055.557đ.

- Về chi phí tố tụng: Ngày 04/4/2023 Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ phần diện tích đất đang tranh chấp. Chi phí tố tụng phục vụ cho buổi xem xét thẩm định tại chỗ hết số tiền 2.000.000đ do ông Nguyễn Minh P nộp tạm ứng.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Nguyễn Minh P có quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc các đương sự được nhận phần tài sản phải có trách nhiệm chịu khoản tiền chi phí tố tụng này.

Hội đồng xét xử nhận thấy đề nghị của ông P là phù hợp quy định nên được chấp nhận.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương đương với số tài sản thực nhận. Cụ Y, ông T, ông B, ông Đ được miễn án phí do là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Nguyễn Minh P, ông Nguyễn Hữu C, ông Nguyễn Quang Đ, ông Nguyễn Đức B, bà Nguyễn Thị H không được chấp nhận nên ông Phương, ông C, bà H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Ông Đ, ông B được miễn án phí do là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm d khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Minh P, ông Nguyễn Hữu C, ông Nguyễn Quang Đ, ông Nguyễn Đức B, bà Nguyễn Thị H đối với yêu cầu chia toàn bộ tài sản chung làm 09 phần theo đề nghị ông P, ông C, ông Đ, ông B, bà H.

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm d khoản 1 Điều 11 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 493/QĐ-VKS-DS ngày 06/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ về việc chia tài sản chung.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2022/DS-ST ngày 23/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ.

[2] Áp dụng: Điều 612, Điều 613, Điều 649, Điều 650, Điều 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6; Điều 166, Điều 170; Điều 179; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; điểm b khoản 1 Điều 2 Quyết định số 14/2020/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của UBND tỉnh Phú thọ.

1. Ghi nhận thỏa thuận của các đương sự về toàn bộ di sản thừa kế của cụ Trương Thị Ng giao cho cụ Nguyễn Hữu Y sử hữu và sử dụng.

2. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Minh T.

Xác định tài sản chung, cụ thể như sau:

- Về đất lúa: Tổng diện tích đất là 2.120 m² trị giá 2.120.000.000đ (Hai tỷ một trăm hai mươi triệu đồng) được chia làm 09 suất. Mỗi suất được hưởng trị giá là: 235.555.555đ (Hai trăm ba mươi lăm triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm năm mươi lăm đồng).

- Về đất Đ.M.R: Tổng diện tích đất là 881m² trị giá 881.000.000đ (Tám trăm tám mươi một triệu đồng) được chia là 06 suất. Mỗi suất được hưởng trị giá là 146.833.333đ. (Một trăm bốn mươi sáu triệu tám trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

- Diện tích đất đã có quyết định thu hồi nhưng chưa nhận tiền trị giá là: 1.577.000.000đ (Một tỷ năm trăm bảy mươi bảy triệu đồng).

- Diện tích đất đã thu hồi và nhận tiền hiện nay cụ Y đang quản lý trị giá là 184.000.000đ (Một trăm tám mươi tư triệu đồng).

- Diện tích đất nông nghiệp chưa có quyết định thu hồi gồm 04 thửa, cụ thể:

Thửa số 321⁻¹, tờ bản đồ số 12, diện tích 192m² (Đ.M.R);

Thửa số 279, tờ bản đồ số 12, diện tích 288m² (Đ.M.R);

Thửa số 316, tờ bản đồ số 12, diện tích 199m² (Đ.M.R);

Thửa số 649, tờ bản đồ số 27, diện tích 561m² (lúa);

Xử:

- Anh Nguyễn Minh T được nhận trị giá tài sản là 382.388.888đ (Ba trăm tám mươi hai triệu ba trăm tám mươi tám nghìn tám trăm tám mươi tám đồng). Giao cho anh Nguyễn Minh T được sử dụng thửa số 321⁻¹, tờ bản đồ số 12, diện tích 192m² (Đ.M.R). Trị giá: 192.000.000đ (Một trăm chín mươi hai triệu đồng). Anh Nguyễn Minh T còn được nhận số tiền 190.388.888đ. (Một trăm chín mươi triệu ba trăm tám mươi tám nghìn tám trăm tám mươi tám đồng).

- Bà Trương Thị T được nhận trị giá tài sản là 382.388.888đ (Ba trăm tám mươi hai triệu ba trăm tám mươi tám nghìn tám trăm tám mươi tám đồng). Giao cho bà Nguyễn Thị T. Thửa được sử dụng số 316, tờ bản đồ số 12, diện tích 199m² (Đ.M.R). Trị giá: 199.000.000đ (Một trăm chín mươi chín triệu đồng). Bà Trương Thị T còn được nhận số tiền 183.388.888đ. (Một trăm tám mươi ba triệu ba trăm tám mươi tám nghìn tám trăm tám mươi tám đồng).

- Ông Nguyễn Minh P được nhận trị giá tài sản là 382.388.888đ (Ba trăm tám mươi hai triệu ba trăm tám mươi tám nghìn tám trăm tám mươi tám đồng). Giao cho ông Nguyễn Minh P được sử dụng thửa số 279, tờ bản đồ số 12, diện tích 288m²(Đ.M.R). Trị giá: 288.000.000đ (Hai trăm tám mươi tám triệu đồng). Ông Nguyễn Minh P còn được nhận số tiền 94.388.888đ. (Chín mươi tư triệu ba trăm tám mươi tám nghìn tám trăm tám mươi tám đồng).

- Cụ Nguyễn Hữu Y được nhận trị giá tài sản (cả phần di sản của cụ Ngân để lại) là 617.944.443đ (Sáu trăm mười bảy triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm bốn mươi ba đồng). Giao cho cụ Nguyễn Hữu Y được sử dụng thửa số 649, tờ bản đồ số 27, diện tích 561m² (lúa). Trị giá: 561.000.000đ. (Năm trăm sáu mươi một triệu đồng). Cụ Nguyễn Hữu Y còn được nhận số tiền 56.944.443đ (Năm mươi sáu triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm bốn mươi ba đồng). Xác nhận, cụ Nguyễn Hữu Y đã nhận số tiền được trả đền bù 184.000.000đ (Một trăm tám mươi tư triệu đồng). Cụ Nguyễn Hữu Y có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị H số tiền là 127.055.557đ (Một trăm hai mươi bảy triệu không trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm năm mươi bảy đồng).

- Ông Nguyễn Quốc T được nhận trị giá tài sản là 235.555.555đ (Hai trăm ba mươi lăm triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm năm mươi lăm đồng).

- Bà Nguyễn Thị H được nhận trị giá tài sản là 382.388.888đ. (Ba trăm tám mươi hai triệu ba trăm tám mươi tám nghìn tám trăm tám mươi tám đồng). Bà H được nhận số tiền cụ Y có trách nhiệm thanh toán là 127.055.557đ (Một trăm hai mươi bảy triệu không trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm năm mươi bảy đồng).

- Ông Nguyễn Hữu C được nhận trị giá tài sản là 235.555.555đ. (Hai trăm ba mươi lăm triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm năm mươi lăm đồng).

- Anh Nguyễn Quốc B được nhận trị giá tài sản là 382.388.888đ. (Ba trăm tám mươi hai triệu ba trăm tám mươi tám nghìn tám trăm tám mươi tám đồng).

(Toàn bộ số tiền đền bù theo Quyết định thu hồi đất của UBND thành phố Việt T sau khi nhận được thanh toán theo các suất nêu trên).

Kể từ khi người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì còn phải chịu lãi suất chậm thanh toán theo quy định Điều 357 và 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 7 Điều 27; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

- Anh Nguyễn Minh T phải chịu 19.119.000đ (Mười chín triệu một trăm mười chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận anh T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2020/0009276 ngày 15/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ. Anh T còn phải nộp 18.819.000đ (Mười tám triệu tám trăm mười chín nghìn đồng).

- Ông Nguyễn Minh P phải chịu 19.119.000đ (Mười chín triệu một trăm mười chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Hữu C phải chịu 11.777.000đ (Một triệu bảy trăm bảy mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị H phải chịu 19.119.000đ (Mười chín triệu một trăm mười chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Nguyễn Quốc B phải chịu 19.119.000đ (Mười chín triệu một trăm mười chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Hữu Y, ông Nguyễn Quốc T, bà Trương Thị T.

“Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

[3]. Về chi phí tố tụng trong giai đoạn phúc thẩm:

- Buộc cụ Nguyễn Hữu Y, ông Nguyễn Hữu C, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Quốc T, bà Trương Thị T, anh Nguyễn Minh T, anh Nguyễn Quốc B. Mỗi người phải có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Minh P số tiền 250.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng). Tổng là 1.750.000đ (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Minh P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận anh P đã nộp đủ số tiền trên theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009199 ngày 14/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ.

Ông Nguyễn Hữu C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận ông C đã nộp đủ số tiền trên theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009198 ngày 14/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ do anh Nguyễn Minh P nộp thay.

Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận bà H đã nộp đủ số tiền trên theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009197 ngày 14/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ do anh Nguyễn Minh P nộp thay.

Ông Nguyễn Quang Đ, ông Nguyễn Đức B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND Tp Việt T;
- TAND Tp Việt T;
- THADS Tp Việt T;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Tạ Văn Thành